

Appendix VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

(Issued with the Decision No. 21/QĐ-SGDVN on 21/12/2021 of the CEO of Vietnam Exchange on the Information Disclosure Regulation of Vietnam Exchange)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ**VẬN TẢI SAFI**

Số: 02/CBTT-2026

No.: 02/CBTT-2026

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM****Independence - Freedom - Happiness**

TP.HCM, ngày 28 tháng 03 năm 2026

HCMC, day 28 month 03 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam/ Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội/ Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

To: Vietnam Exchange/ Hanoi Stock Exchange/ Hochiminh Stock Exchange

1. Tên tổ chức/Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI**

- Mã chứng khoán/Mã thành viên/ Stock code/ Broker code: SFI

- Địa chỉ/Address: 209 Nguyễn Văn Thủ - Phường Tân Định – Tp. Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 028.38238799 Fax: 028.38226283

- E-mail: dang.hang@safi.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

Báo cáo thường niên năm 2025 của Công ty CP Đại lý Vận Tải SAFI./ 2025 Annual Report of SAFI Transport Agency Joint Stock Company.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 29/03/2026 tại đường dẫn <https://safi.com.vn/thong-bao/> /This information was published on the company's website on 29/03/2026 (date), as in the link <https://safi.com.vn/notification/>.



Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố /*We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.*

Tài liệu đính kèm

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)


NGUYỄN HOÀNG ANH





SAFI

SAFI - SAFI

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

Trụ sở chính: Số 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam

Website: www.safi.com.vn - Email: info.sgn@safi.com.vn - Tel: (84 - 028) 3823 8799

Công Ty
CP Đại Lý
Vận Tải
Safi

Digitally signed by Công Ty CP
Đại Lý Vận Tải Safi
DN: C=VN, S=THÀNH PHỐ HỒ
CHÍ MINH, CN=Công Ty CP Đại
Lý Vận Tải Safi,
OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=
MST:0301471330
Reason: I am the author of this
document
Location:
Date: 2026.03.28 17:59:04+07'00'
Foxit PDF Reader Version:
2024.4.0



MỤC LỤC

I.	THÔNG TIN CHUNG.....	1
1.	Thông tin khái quát	1
	Quá trình hình thành và phát triển	1
2.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh	2
3.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	4
4.	Định hướng phát triển	6
4.1	Mục tiêu chủ yếu của Công ty.....	6
4.2	Chiến lược tập trung	6
4.3	Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty	7
5.	Các rủi ro	7
II.	TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	7
1.	Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	7
2.	Tổ chức và nhân sự	9
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:	12
4.	Tình hình tài chính	13
5.	Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	14
6.	Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	15
III.	BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	17
1.	Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.....	17
2.	Tình hình tài chính Công ty đến thời điểm 31/12/2025	18
3.	Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	19
4.	Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty.....	19
IV.	ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	20
1.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	20
2.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty.....	22
3.	Các kế hoạch định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026:	22
V.	QUẢN TRỊ CÔNG TY	23
1.	Hội đồng quản trị.....	23

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD – UBKT trực thuộc Hội đồng quản trị.....	23
2. Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập của ông Nguyễn Trường Nam.....	25
3. Báo cáo của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội Đồng quản trị.	26
4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD – UBKT trực thuộc Hội đồng quản trị	26
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	28
1. Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2025 của Công ty.	28
2. Ý kiến kiểm toán:	28
3. Báo cáo tài chính được kiểm toán:	28

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301471330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 31/08/1998, đăng ký thay đổi lần thứ 40 ngày 24/10/2025.
- Vốn điều lệ: 260.420.460.000 đồng
- Mã chứng khoán: SFI
- Địa chỉ: 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Tp.Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Số điện thoại: (84 – 028) 3823 8799
- Số fax: (84 – 028) 3822 6283
- Website: www.safi.com.vn

Quá trình hình thành và phát triển

- 1992 Thành lập Công ty, chính thức đi vào hoạt động vào tháng 11 năm 1992;
- 1994 Hội viên liên kết chính thức của các Hiệp hội FIATA, IATA, VISABA;
- 1995 Mở rộng phạm vi hoạt động, thành lập chi nhánh Hà Nội;
- 1998 Chuyển đổi thành Công ty cổ phần với vốn điều lệ 6,2 tỷ đồng;
Thành lập công ty liên doanh COSFI;
- 2000 Phát triển trên nhu cầu thị trường, thành lập chi nhánh Đà Nẵng
- 2001 Tiếp tục phát huy thế mạnh, thành lập xí nghiệp ở Hải Phòng chuyên về đại lý container, vận tải giao nhận;
- 2004 Đầu tư chiến lược, thành lập Liên doanh Yusen-Việt Nam;
Đưa vào khai thác kho bãi có diện tích 2500m² tại Quận 7, Tp.HCM;
- 2005 Thành viên hiệp hội HHGFAA của Mỹ về dịch vụ di chuyển và đại lý vận tải;
- 2006 Chính thức niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM;
- 2007 Tăng vốn điều lệ lên 11,39 tỷ đồng;
- 2008 Tăng vốn điều lệ lên 27,63 tỷ đồng;
- 2009 Sở hữu trực tiếp công ty con SITC Việt Nam;
Tăng vốn điều lệ 82,89 tỷ đồng;
- 2013 Vinh dự lọt vào top 10 doanh nghiệp nhỏ và vừa tốt nhất Châu Á do Forbes bình chọn;
Đưa Tòa nhà cao ốc SAFI tại địa chỉ 209 Nguyễn Văn Thủ, Quận 1, Tp. Hồ Chí

- Minh chính thức đi vào hoạt động;
Thành lập công ty con Đại lý Vận tải COSFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ;
- 2014 Tăng vốn điều lệ lên 103 tỷ đồng;
Thành lập công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ”
- 2015 Tăng vốn điều lệ lên 108 tỷ đồng;
- 2016 Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH MTV Đầu tư hạ tầng SAFI với tỷ lệ sở hữu 100% vốn điều lệ (từ 6 tỷ lên 60 tỷ đồng);
Tăng vốn điều lệ lên 113 tỷ đồng;
- 2017 Tăng vốn điều lệ lên 119 tỷ đồng;
Tăng vốn Công ty con “Công ty TNHH Đại lý Vận tải SAFI với tỷ lệ sở hữu 69% vốn điều lệ (từ 1 tỷ lên 2,27 tỷ đồng);
- 2018 Tăng vốn điều lệ lên 125 tỷ đồng;
- 2019 Tăng vốn điều lệ lên 143 tỷ đồng;
- 2020 Tăng vốn điều lệ lên 150 tỷ đồng;
- 2021 Tăng vốn điều lệ lên 157 tỷ đồng;
- 2022 Tăng vốn điều lệ lên 238 tỷ đồng;
- 2024 Tăng vốn điều lệ lên 248 tỷ đồng.
- 2025 Tăng vốn điều lệ lên 260 tỷ đồng

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

SAFI khởi nghiệp kinh doanh từ năm 1992 chỉ với 22 nhân viên cốt cán, công ty thực hiện các dịch vụ vận chuyển đường biển và vận tải nội địa. Theo xu hướng phát triển toàn diện công ty, đa dạng hóa nhiều loại hình dịch vụ, phát triển thành nhiều ngành nghề kinh doanh cốt lõi như:

Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải

- Chi tiết: Đại lý vận tải; Đại lý ủy thác quản lý container và giao nhận hàng hóa; Khai thác, thu gom hàng hóa và vận tải nội địa; Đại lý tàu biển; Giao nhận hàng hóa xuất nhập khẩu; Dịch vụ hàng hải và cung ứng tàu biển; Hoạt động của các đại lý vé máy bay (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải hàng không)

Kho bãi và lưu giữ hàng hóa

- Chi tiết: Kinh doanh khai thác kho bãi

Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Chi tiết: Vận tải hàng hóa quá cảnh đi Lào, Campuchia và ngược lại (chỉ thực hiện khi có đầy đủ hàng hóa quá cảnh); Vận tải đa phương thức quốc tế (trừ khí hóa lỏng để vận chuyển)

- Dịch vụ đóng gói

Chi tiết: Đóng gói bao bì hàng hóa (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)

Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Sản xuất bao bì, chèn lót (không hoạt động tại trụ sở)

Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê

Chi tiết: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng làm việc

Chuyển phát

Chi tiết: Chuyển phát nhanh hàng hóa

Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình

Chi tiết: Mua bán đồ gỗ nội thất, quần áo may sẵn, giày dép; mua bán gốm sứ, sơn mài và hàng thủ công mỹ nghệ; Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh

Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu

Chi tiết: Mua bán bao bì, chèn lót; Mua bán vỏ container

Bán buôn thực phẩm tươi sống, hàng thủy hải sản (không hoạt động tại trụ sở)

Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác

Chi tiết: bán kim khí điện máy, điện tử, điện lạnh và phụ kiện

(Theo quy định tại Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương. doanh nghiệp không được phân phối vật phẩm đã ghi hình trên mọi chất liệu bao gồm danh mục sản phẩm phần cứng và phần mềm, điện tử theo quy định của Bộ Thông tin truyền thông trừ trường hợp pháp luật cho phép.

Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện

Chi tiết: Sản xuất, gia công, lắp ráp đồ gỗ gia dụng (không sản xuất, gia công tại trụ sở)

May trang phục (trừ trang phục từ lông da thú)

Chi tiết: Sản xuất gia công quần áo (không sản xuất gia công tại trụ sở)

Sản xuất thiết bị điện khác

Chi tiết: Sản xuất, gia công máy móc, thiết bị, phụ kiện hàng điện tử, điện lạnh (không sản xuất gia công tại trụ sở)

Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống

Chi tiết: Mua bán động vật sống, bò sát (trừ kinh doanh động vật hoang dã thuộc danh mục điều ước quốc tế mà Việt Nam ký kết hoặc tham gia quy định và các loại động vật quý hiếm khác cần được bảo vệ (không hoạt động tại trụ sở)

Cho thuê xe có động cơ

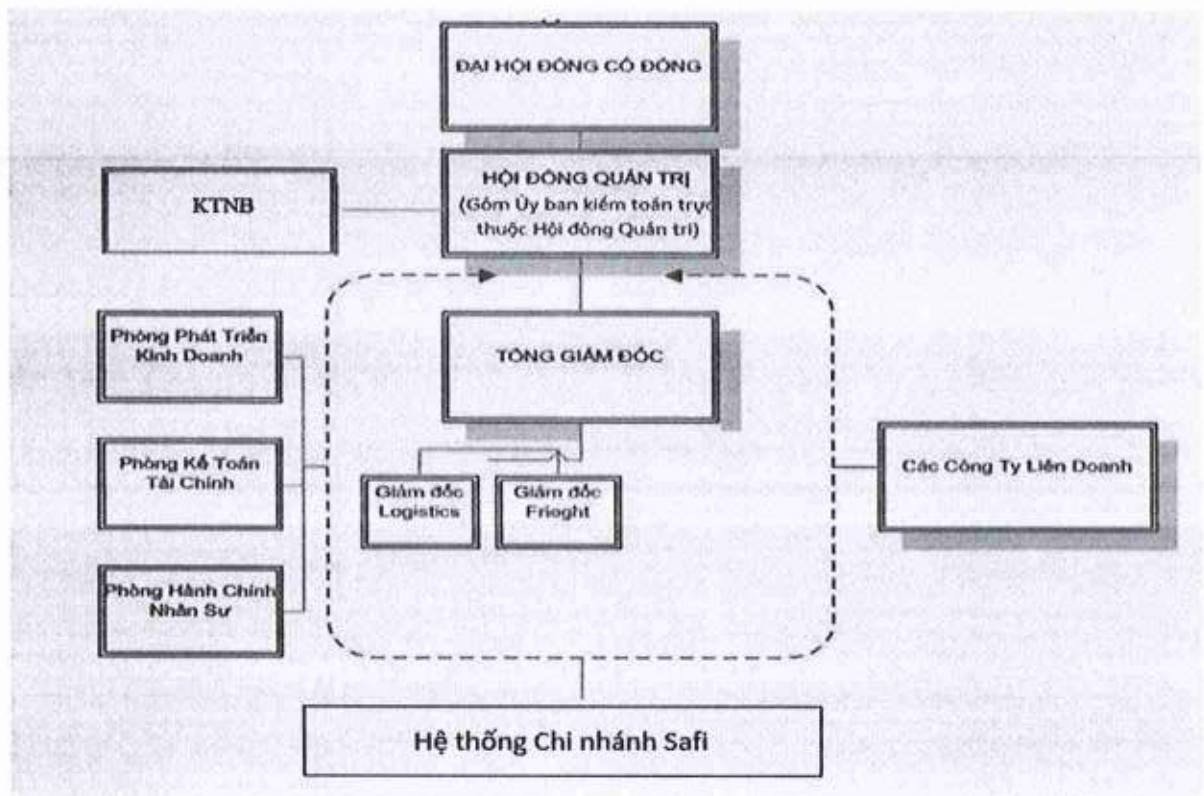
Bán buôn kim loại và quặng kim loại

Chi tiết: Bán buôn sắt, thép; Bán buôn kim loại và quặng kim loại

(trừ mua bán vàng miếng, kim loại quý nằm trong danh mục hàng hóa không được thực hiện quyền phân phối tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Thông tư 34/2013/TT-BCT ngày 24/12/2013 của Bộ Công Thương

- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày
 - Chi tiết: Khách sạn (đạt tiêu chuẩn sao và không hoạt động tại trụ sở)
 - Đại lý môi giới và đấu giá hàng hóa
 - Chi tiết: Môi giới hàng hải, đại lý nhập khẩu ủy thác nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh, đại lý phân phối nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh
 - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển
 - Chi tiết: Cho thuê vỏ container
 - Đại lý du lịch
 - Chi tiết: Chỉ được nhận bán chương trình du lịch của doanh nghiệp kinh doanh lữ hành cho khách du lịch để hưởng hoa hồng;
 - Chỉ được cung cấp dịch vụ đưa khách quốc tế vào Việt Nam (inbound) và lữ hành nội địa đối với khách vào du lịch Việt Nam như là một phần của du lịch đưa khách vào du lịch Việt Nam; không được kinh doanh dịch vụ đưa khách du lịch từ Việt Nam ra nước ngoài (outbound);
 - Sản xuất giày dép
 - Chi tiết: Sản xuất, gia công giày dép (không sản xuất gia công tại trụ sở)
 - Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng
 - Các ngành nghề kinh doanh khác phù hợp với quy định pháp luật
- 3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý**
- a. Cơ cấu bộ máy quản lý**
- Mô hình quản trị SAFI bao gồm: Đại hội Đồng cổ đông, Hội đồng quản trị (Gồm Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng Quản trị) và Ban Tổng Giám đốc. Ban Tổng Giám đốc Công ty quản lý theo hàng dọc, cao nhất là Tổng Giám đốc, quản lý chung hoạt động Công ty đến Giám đốc Điều hành và các Giám đốc Khối, trưởng bộ phận chức năng.
- Công ty hiện có 06 Chi Nhánh, đơn vị trực thuộc; 02 Công ty con và 02 Công ty liên doanh liên kết hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh các dịch vụ vận tải và đại lý vận tải và 01 Công ty liên doanh liên kết hoạt động trong lĩnh vực lưu trú, khách sạn. Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các khối chức năng công việc và có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

SƠ ĐỒ CƠ CẤU BỘ MÁY QUẢN LÝ CỦA SAFI



b. Các đơn vị/ chi nhánh trực thuộc

- + Chi nhánh Hà Nội
- + Chi nhánh Hải Phòng
- + Chi nhánh Quảng Ninh
- + Chi nhánh Đà Nẵng
- + Chi nhánh Bình Định
- + Chi nhánh Vũng Tàu

c. Các công ty con:

- + Công ty TNHH Đại lý Vận tải COSFI
 - o 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Tp Hồ Chí Minh
 - o Vốn điều lệ: 2.270.000.000 đồng
 - o Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%
 - o Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển
- + Công ty TNHH Đầu tư Hạ tầng SAFI
 - o 209 Nguyễn Văn Thủ, Phường Tân Định, Tp Hồ Chí Minh
 - o Vốn điều lệ: 60.000.000.000 đồng
 - o Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 100%
 - o Ngành nghề: Kinh doanh bất động sản, cho thuê văn phòng

d. Các công ty liên doanh liên kết

+ Công ty TNHH SITC Việt Nam

- 419-420-421, TD Business Center, lô 20A, Lê Hồng Phong, Tp Hải Phòng
- Vốn điều lệ: 7.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 51%
- Ngành nghề kinh doanh: Giao nhận và đại lý tàu biển
- Công ty không còn kiểm soát hoạt động kinh doanh của SITC nên công ty ghi nhận khoản đầu tư vào SITC Việt Nam là khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết.

+ Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)

- 2A-4A Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn, TP Hồ Chí Minh.
- Vốn điều lệ: 9.668.400.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 45%
- Ngành nghề: Giao nhận và kinh doanh vận tải
- Công ty ngừng hoạt động nhưng chưa hoàn thành thủ tục đóng MST

+ Công ty TNHH Minh Toàn – SAFI

- 224 Võ Nguyên Giáp, Phường An Hải, Thành phố Đà Nẵng
- Vốn điều lệ: 328.800.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 50%
- Ngành nghề: Dịch vụ lưu trú, khách sạn

4. Định hướng phát triển

4.1 Mục tiêu chủ yếu của Công ty

Phát triển bền vững ngành nghề kinh doanh cốt lõi; tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển; mở rộng lĩnh vực hoạt động kinh doanh là nhiệm vụ hàng đầu trong chiến lược phát triển bền vững của SAFI. Khai thác hiệu quả các nguồn lực để tăng trưởng và phát triển bền vững, nâng cao giá trị doanh nghiệp.

4.2 Chiến lược tập trung

- Cùng cố các thị trường truyền thống và mở rộng thị trường mới, tiếp tục đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng kho bãi, tiếp vận, Logistics;
- Phát huy tối đa nguồn nhân lực kết hợp công nghệ thông tin hiện đại làm nền tảng bền vững cho sự phát triển dịch vụ làm đại lý;
- Duy trì các thế mạnh dịch vụ vận tải sẵn có như đường hàng không, đường biển;
- Liên kết các dịch vụ khai quan, giao nhận, chủ trương mở rộng hoạt động chào bán hàng, khai thác tốt kho bãi theo hướng cung cấp dịch vụ trọn gói;
- Tiếp tục duy trì và mở rộng thị trường Đông Bắc Á, Bắc Mỹ, Châu Âu và Trung Quốc;
- Tìm kiếm các cơ hội hợp tác, đầu tư phát triển.
- Nắm bắt các chính sách của Nhà nước, Hiệp định Quốc tế để có định hướng phát triển đúng và phù hợp.

4.3 Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

- Thực hiện việc phát triển doanh nghiệp gắn với bảo vệ môi trường như giảm mức tiêu hao nguyên nhiên vật liệu, sử dụng nước, sử dụng năng lượng, hướng đến việc tăng cường sử dụng năng lượng thân thiện với môi trường.
- Tiếp tục triển khai các dự án đầu tư phát triển doanh nghiệp về cơ sở vật chất kỹ thuật, đảm bảo an toàn, tuân thủ các quy định trong việc khai thác vận hành kho bãi hàng hoá, công tác phòng chống cháy nổ, xử lý chất thải...
- Việc phát triển doanh nghiệp gắn với việc bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho người lao động, bảo đảm việc làm ổn định, tăng thu nhập, góp phần vào công tác an sinh xã hội, tích cực tham gia các hoạt động xã hội, hoạt động từ thiện...
- Quan tâm công tác đào tạo và đào tạo lại lao động đáp ứng yêu cầu công tác mới, xây dựng đội ngũ công nhân lành nghề có khả năng nắm bắt được công nghệ kỹ thuật cao, có tinh thần trách nhiệm cộng đồng.

5. Các rủi ro

a. Rủi ro kinh tế

Công ty chịu sự tác động các yếu tố vĩ mô của nền kinh tế, để hạn chế rủi ro của các tác động này. Ban giám đốc công ty luôn thận trọng và hoạch định chiến lược phát triển phù hợp cho hoạt động của công ty.

b. Rủi ro kinh doanh

Công ty cũng chịu sự cạnh tranh, áp lực từ nhiều yếu tố, trong đó có rủi ro từ các công cụ tài chính, rủi ro về nhân sự, rủi ro trong lưu thông với vận chuyển đường bộ, rủi ro do cạnh tranh không lành mạnh của công ty đối thủ... do đó Công ty luôn phải cải thiện chất lượng sản phẩm, dịch vụ với mức giá cạnh tranh hợp lý đối với khách hàng.

c. Rủi ro bất khả kháng

Các rủi ro khác như thiên tai, dịch họa, dịch bệnh, bão lụt, sai sót do con người, v.v... là những rủi ro bất khả kháng, khó lường trước, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả hoạt động của Công ty. Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty luôn duy trì việc mua bảo hiểm trách nhiệm người Đại lý giao nhận vận tải và vật chất của Công ty.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	2025 s/v 2024
1	Tổng giá trị tài sản	920.947.023.360	903.914.773.998	98.15%
2	Doanh thu thuần	1.087.771.573.724	1.106.411.137.698	101.71%
3	Lợi nhuận gộp	155.172.758.792	180.582.600.891	116.38%

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	2025 s/v 2024
4	Lợi nhuận trước thuế	95.407.617.020	113.211.062.164	118.66%
5	Lợi nhuận sau thuế	78.384.997.675	91.848.087.861	117.18%
6	LNST của Công ty mẹ	78.384.997.675	91.848.087.861	117.18%
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	44,31%	50,4%	113.74%
8	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3.445	3.873	112.42%

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 của Công ty

– Tình hình thực hiện so với kế hoạch:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện so với kế hoạch 2025			So với năm 2024		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ Hoàn thành	Năm 2024	Năm 2025	Tăng giảm
1	Tổng doanh thu	950	1.106	116%	1.087	1.106	+2%
2	LNST của công ty mẹ	60	91,8	153%	78,3	91,8	+17%

- Tổng doanh thu đạt 1.106 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch năm và cao hơn 2% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 91,8 tỷ đồng, đạt 153% kế hoạch năm và cao hơn 17% so với cùng kỳ.
- Kết quả kinh doanh trong năm của Công ty tăng so với kế hoạch vì số lượng lô hàng tăng. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2025 cũng tăng so với cùng kỳ.

1.2 Cơ cấu hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

	Logistic	Forwarding	Dịch vụ đại lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	543.944	549.378	13.087	1.106.411
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	111.672	63.769	5.141	180.582
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	2.709	2.709
Tài sản bộ phận trực tiếp	354.181	357.719	8.522	720.422

Tài sản không phân bổ

183.492

Tổng tài sản	354.181	357.719	8.522	903.914
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	61.734	69.352	1.134	132.222
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.918
Tổng nợ phải trả	61.734	69.352	1.134	134.140

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 của Công ty

Tổng doanh thu các mảng dịch vụ của Công ty trong năm bằng 102% so với cùng kỳ. Tổng doanh thu đạt 1.106 tỷ đồng, lợi nhuận đạt hơn 180 tỷ đồng. Chi tiết cơ cấu hoạt động các mảng dịch vụ như sau:

- Doanh thu Logistic đạt 543 tỷ đồng, dịch vụ Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hàng năm của công ty. Tỷ trọng doanh thu Logistic chiếm 49% tổng doanh thu và tỷ suất lợi nhuận là 20,5%.
- Doanh thu Forwarding đạt 549 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 50% trên tổng doanh thu. Lợi nhuận gộp đạt hơn 64 tỷ đồng là 11,7%.
- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 13 tỷ đồng. Tuy tỷ trọng trên tổng doanh thu chỉ chiếm 1% nhưng tỷ suất lợi nhuận đạt 39% với hơn 5 tỷ đồng.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1 Danh sách Ban điều hành:

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CPSH
-	Ban Tổng Giám đốc:	01 người	
1	Nguyễn Hoàng Anh	Tổng Giám đốc - Người quản trị Công ty	5,57%
-	Cán bộ quản lý khác:	01 người	
1	Nguyễn Hoàng Dũng	Giám đốc Điều hành	8,15%
-	Kế toán trưởng		
1	Đặng Thị Thúy Hằng	Kế toán trưởng	0,15%

1. Ông: NGUYỄN HOÀNG ANH

Năm sinh: 1969

Trình độ chuyên môn: Hàng hải

Quá trình công tác:

Thời gian	Công ty/Tổ chức công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ năm 1994 đến năm 1998	tại Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Nhân viên
Từ năm 1998 đến năm 2016	Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	Phó Giám đốc, Chủ tịch HĐQT Công ty Safi
Từ năm 2016 đến năm 2020	tại Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Từ 04/09/2020 đến nay	tại Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	PCT HĐQT - Tổng Giám đốc – Người phụ trách Quản trị Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Phó Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc - Người phụ trách Quản trị Công ty

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

2. Ông: NGUYỄN HOÀNG DŨNG

Năm sinh: 1976

Trình độ chuyên môn: Kinh tế Hàng hải

Quá trình công tác:

Thời gian	Công ty/Tổ chức công tác	Chức vụ nắm giữ
Từ năm 2001 đến năm 2013	tại Công ty APLL Việt Nam	Trưởng phòng khách hàng
Từ năm 2013 đến nay	tại Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Giám đốc Điều hành
Từ 04/09/2020 đến nay	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Chủ tịch HĐQT

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: không

3. Bà ĐẶNG THỊ THÚY HẰNG

Sinh năm: 1989

Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ tài chính

Quá trình công tác:

Thời gian	Công ty/Tổ chức công tác	Chức vụ nắm giữ
2016 - 2017	Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	Phó phòng kế toán
2017 - 2021	Công ty TNHH Cosco Shipping Lines (Việt Nam)	Kế toán trưởng
2021 - 2023	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi	Phó phòng kế toán
Từ 01/06/2023 đến nay	Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi	Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại Công ty: Kế toán trưởng

Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

2.2 Những thay đổi trong ban điều hành: Không thay đổi so với năm trước

2.3 Số lượng cán bộ, nhân viên:

Tổng số lao động của Công ty tính đến thời điểm 31/12/2025 là 359 người.

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
A. Phân theo đối tượng lao động	359	100%
- Lao động trực tiếp	355	99%
- Lao động gián tiếp	4	1%
B. Phân theo trình độ lao động	359	100%
- Trình độ đại học và trên đại học	195	54%
- Trình độ trung cấp và cao đẳng	160	45%
- Lao động phổ thông	4	1%



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

3.1 Tình hình dự án, đầu tư lớn trong năm: Không có

3.2 Tình hình đầu tư các công ty con, công ty liên kết:

Đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh liên kết:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Giá trị ghi sổ theo phương pháp vốn CSH
Công ty TNHH SITC Việt Nam	51%	50%	5.902	51%	50%	6.048
Công ty TNHH Yusen Logistics Quốc tế (Việt Nam)	45%	45%	3.375	45%	45%	3.376
Công ty TNHH Minh Toàn SAFI	50%	50%	172.3	50%	50%	169.191
Công ty TNHH Dong Hong Logistics Đà Nẵng	0%	0%	0	49%	49%	1.366
Tổng cộng			181.615			179.981

– Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	Tại ngày 31/12/2025			Tại ngày 01/01/2025		
	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic - Việt Nam (Mã CK: VLG)	1.500	1.290	(210)	1.500	1.530	-
Công ty TNHH New SITC Containers Việt Nam	467	-	-	467	-	-
Công ty TNHH SITC Bondex Việt Nam Logistics	120	-	-	120	-	-
Cộng	2.087	1.290	(210)	2.087	1.530	

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 của Công ty

- Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư dài hạn vào Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vinalines Logistic Việt Nam (Mã CK: VLG) được xác định theo giá đóng cửa của các chứng khoán này trên sàn UPCOM tại ngày 31/12/2024 và 31/12/2025.

4. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	2025 s/v 2024
1	Tổng giá trị tài sản	920.947.023.360	903.914.773.998	98,15%
2	Doanh thu thuần	1.087.771.573.724	1.106.411.137.698	101,71%
3	Giá vốn hàng bán	932.598.814.932	925.828.536.807	99,27%
4	Lợi nhuận thuần từ HĐKD chính	94.602.277.830	112.735.792.034	119,17%
5	Lợi nhuận khác	805.339.190	475.270.130	59,02%
6	Lợi nhuận trước thuế	95.407.617.020	113.211.062.164	118,66%
7	Lợi nhuận sau thuế	78.384.997.675	91.848.087.861	117,18%
8	LNST của Công ty mẹ	78.384.997.675	91.848.087.861	117,18%
9	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	44,31%	50,4%	113,74%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	3,99	4,23
- Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	3,70	3,94
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,17	0,15
- Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	0,63	0,53
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	-		
- Doanh thu thuần/tổng tài sản	Vòng	1,18	1,21

Khoản mục	Đơn vị	Năm 2024	Năm 2025
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi			
- Hệ số LNST/doanh thu thuần (ROS)	%	7,21%	8,30%
- Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu (ROE)	%	10,26%	15,66%
- Hệ số LNST/tổng tài sản (ROA)	%	8,51%	10,17%
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/doanh thu thuần	%	8,70%	10,19%

- Hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty duy trì ở mức cao, đạt 4,23 lần trong năm 2025, phản ánh khả năng sử dụng hiệu quả các tài sản ngắn hạn như tiền mặt, hàng tồn kho và các khoản phải thu để thanh toán các khoản nợ ngắn hạn.
- Chỉ tiêu về cơ cấu vốn: Hệ số nợ/tổng tài sản trong năm công ty đạt 0,15 và hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu đạt 0,53. Tỷ số nợ của công ty là rất thấp so với công ty cùng ngành và cùng quy mô hoạt động phản ánh việc sử dụng vốn vay rất hiệu quả. Tỷ số nợ càng thấp thì mức độ bảo vệ dành cho các chủ nợ càng cao.
- Chỉ tiêu về năng lực hoạt động: Hệ số doanh thu /Tổng tài sản bình quân đạt 1,21, cao hơn các công ty cùng ngành, phản ánh hiệu quả sử dụng tài sản của công ty, chỉ số này càng cao cho thấy hiệu quả sử dụng tài sản của doanh nghiệp càng cao và ngược lại.
- Chỉ tiêu về khả năng sinh lợi: ROS, ROE, ROA luôn đạt ở mức cao so với công ty cùng ngành, cùng quy mô.

5. Cơ cấu cổ đông/ thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- + Phát hành cổ phiếu ESOP 2025 cho người lao động trong công ty: Số lượng cổ phiếu phát hành: 1.155.000 cổ phiếu, tương đương 5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành.
- + Số lượng cổ phiếu sau phát hành: 26.042.046 cổ phiếu.
- + Cổ phiếu quỹ: 1.730.012 cổ phiếu
- + Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết: 24.312.034 cổ phiếu

b. Cơ cấu cổ đông: Danh sách chốt cổ đông ngày 09/12/2025 do VSDC cấp

Stt	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	-	0.00%	-	-	-
2	Cổ đông sáng lập/ cổ đông FDI	-	0.00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0.00%	-	-	-

	- Nước ngoài	-	0.00%	-	-	-
3	Cổ đông lớn (sở hữu 5% vốn CP trở lên)	19.078.000	73,26%	4	1	3
	- Trong nước	19.078.000	73,26%	4	1	3
	- Nước ngoài					
4	Công đoàn Công ty	-	0,00%	-	-	-
	- Trong nước	-	0,00%	-	-	-
	- Nước ngoài	-	0,00%	-	-	-
5	Cổ phiếu quỹ	1.730.012	6,64%	1	1	-
6	Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi (nếu có)	-	0,00%	-	-	-
7	Cổ đông khác	5.234.034	20,10%	1.199	24	1.175
	- Trong nước	4.810.066	18,47%	1.133	9	1.124
	- Nước ngoài	423.968	1,63%	66	15	51
TỔNG CỘNG		26.042.046	100,00%	1.204	26	1.178
Trong đó : - Trong nước		25.618.078	98,73%	1.138	11	1.127
- Nước ngoài		423.968	1,63%	66	15	51

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Tháng 12/2025 Công ty đã phát hành thêm 1.155.000 cổ phiếu ESOP 2025 cho CBCNV Công ty theo NQ ĐHCĐ thường niên ngày 07/03/2025, tăng vốn điều lệ lên 260.420.460.000 đồng.

Toàn bộ số cổ phiếu phát hành đã được lưu ký và niêm yết bổ sung tại Sở giao dịch chứng khoán Tp.HCM và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam theo quy định.

d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không.

e. Các chứng khoán khác: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của công ty với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của công ty) liên quan đến việc phát hành chứng khoán: Không có.

6. Báo cáo liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1 Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp. Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính. Công ty luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường. Công ty luôn thực hiện quản lý rủi ro trực tiếp/ gián tiếp liên quan đến hoạt động phát thải nhà kính của mình để đảm bảo thành công lâu dài trong môi trường kinh doanh cạnh tranh, đồng thời để chuẩn bị tốt cho việc đáp ứng các chính sách về khí hậu của quốc tế, quốc gia hoặc khu vực. Với mục đích như quản lý rủi

ro, giảm chi phí, bảo vệ thương hiệu và thu hút nguồn vốn đầu tư có trách nhiệm với xã hội.

6.2 Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Với quy trình khai thác kinh doanh dịch vụ đại lý vận tải và hoạt động cung ứng logistic, công ty không sử dụng bất cứ nguyên vật liệu sản xuất nào khác ngoài yếu tố con người trong khâu quản lý, vận hành các máy móc thiết bị chuyên dùng trong ngành cho khâu xếp dỡ, lưu giữ hàng hóa, Tuy nhiên, trong quá trình lưu trữ hàng hóa tại cảng nếu có phát sinh hàng hóa không rõ nguồn gốc có chứa chất độc, gây hại đến thiên nhiên hay con người cũng sẽ phần nào tác động đến môi trường sống xung quanh và gây ảnh hưởng trực tiếp đến người lao động trong công ty.

6.3 Tiêu thụ năng lượng

Công ty đã sử dụng các loại năng lượng như điện, xăng dầu với định mức và chi phí sử dụng hợp lý, phù hợp với giá vốn, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp của công ty. Việc sử dụng các loại nguyên liệu trên về lâu dài sẽ góp phần tạo ra khí độc lại cho môi trường. Ý thức được điều đó, toàn thể Công ty cũng như các đơn vị trực thuộc luôn đảm bảo việc sử dụng hợp lý, hạn chế lãng phí nguyên liệu và trong tương lai. Ban lãnh đạo Công ty sẽ tính toán và đề xuất chuyển sang sử dụng các nguồn năng lượng thân thiện với môi trường, bảo đảm việc khai thác hiệu quả và mở rộng thị trường kinh doanh.

6.4 Tiêu thụ nước

Việc tiêu thụ nước chỉ để phục vụ công tác quản lý, sinh hoạt tại văn phòng công ty và cung ứng lại cho các nhà thầu hoạt động tại địa bàn hoạt động của công ty, do đó chi phí phát sinh từ việc sử dụng tài nguyên này là không đáng kể.

6.5 Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty luôn tuân thủ pháp luật và các qui định của Nhà nước về môi trường
- Xử phạt vi phạm hành chính về môi trường: Không

6.6 Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động năm 2025 là 359 người
- Mức thu nhập bình quân của người lao động trong Công ty là 15.000.000 đồng/1 tháng. Đây là thu nhập trung bình cao so với các Công ty cùng ngành trong khu vực.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: SAFI luôn đề cao lợi ích của người lao động và bảo vệ tối đa lợi ích của người lao động như tham gia đầy đủ bảo hiểm xã hội, có chế độ đãi ngộ tốt với những nhân viên lâu năm, tổ chức những buổi giao lưu gặp gỡ nhân viên trong công ty qua các sự kiện của năm như 8/3, trung thu, giáng sinh, tết niên...
- Hoạt động đào tạo người lao động: trong năm công ty cũng đã tổ chức một số buổi đào tạo nhằm phát triển kỹ năng và nghiệp vụ cho người lao động. Đồng thời luôn tạo điều kiện để người lao động có thể học chuyên sâu và nâng cao.

6.7 Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty xác định xây dựng văn hóa đề cao tính trách nhiệm với môi trường và cộng đồng. Trợ giúp các hoàn cảnh khó khăn trong xã hội, thực hiện các chương trình từ thiện là một trong những chương trình hành động vì sự phát triển bền vững của SAFI.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đánh giá kết quả hoạt động của công ty trong năm 2025.

Đơn vị tính: tỷ đồng

Stt	Chi tiêu	Thực hiện so với kế hoạch 2025			So với năm 2024		
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ Hoàn thành	Năm 2024	Năm 2025	Tăng giảm
1	Tổng doanh thu	950	1.106	116%	1.087	1.106	2%
2	LNST của công ty mẹ	60	91,8	153%	78,3	91,8	18%

- Tổng doanh thu đạt 1.106 tỷ đồng, đạt 116% kế hoạch năm và cao hơn 2% so với cùng kỳ.
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ đạt 91,8 tỷ đồng, đạt 153% kế hoạch năm và cao hơn 18% so với cùng kỳ.
- Kết quả kinh doanh trong năm của Công ty tăng so với kế hoạch vì số lượng lô hàng tăng. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ năm 2025 cũng tăng so với cùng kỳ.

Cơ cấu hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh:

Đơn vị tính: tỷ đồng

Chi tiêu	Hoạt động Logistic	Hoạt động Forwarding	Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
- Doanh thu hàng bán	543	549	11	1.106
- Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	111	63	5	180
- Tổng tài sản	354	357	8	903
- Tổng nợ phải trả	61	69	1	134

Nguồn: BCTC hợp nhất đã kiểm toán năm 2025 của Công ty

Tổng doanh thu các mảng dịch vụ của Công ty trong năm bằng 102% so với cùng kỳ. Tổng doanh thu đạt 1.106 tỷ đồng, lợi nhuận đạt hơn 180 tỷ đồng. Chi tiết cơ cấu hoạt động các mảng dịch vụ như sau:

- Doanh thu Logistic đạt 543 tỷ đồng, dịch vụ Logistic luôn đem lại lợi nhuận ổn định hằng năm của công ty. Tỷ trọng doanh thu Logistic chiếm 49% tổng doanh thu và tỷ suất lợi nhuận là 20,5%.

- Doanh thu Forwarding đạt 549 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 50% trên tổng doanh thu. Lợi nhuận gộp đạt hơn 64 tỷ đồng là 11,7%.
- Doanh thu Dịch vụ đại lý hãng tàu, hoạt động khác là 13 tỷ đồng. Tuy tỷ trọng trên tổng doanh thu chỉ chiếm 1% nhưng tỷ suất lợi nhuận đạt 39% với hơn 5 tỷ đồng.

2. Tình hình tài chính Công ty đến thời điểm 31/12/2025

a. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng giảm
1	Tài sản ngắn hạn	627.020.287.079	610.147.491.824	97,31%
2	Tài sản dài hạn	293.926.736.281	293.767.282.174	99,95%
	Tổng cộng	920.947.023.360	903.914.773.998	98,15%

- Tài sản ngắn hạn đạt 610 tỷ đồng, giảm khoảng 3% so với đầu năm, cho thấy quy mô tài sản lưu động có xu hướng giảm nhẹ.
- Tài sản dài hạn đạt 294 tỷ đồng, gần như không thay đổi so với đầu năm, cho thấy Công ty duy trì ổn định quy mô tài sản dài hạn.

b. Tình hình công nợ

Đơn vị tính: đồng

Stt	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Số cuối năm	Tỷ lệ tăng giảm
1	Nợ ngắn hạn	157.189.602.952	132.785.216.659	84%
2	Nợ dài hạn	91.160.000	1.354.985.000	1.486%
	Tổng cộng	157.280.762.952	134.140.111.659	85%

- Tình hình công nợ trong năm 2025 có sự thay đổi đáng kể. Cụ thể, nợ ngắn hạn giảm khoảng 16% so với đầu năm, chủ yếu do giảm các khoản phải trả người bán và các nghĩa vụ ngắn hạn khác.
- Nợ dài hạn tăng mạnh so với đầu năm do phát sinh thêm các khoản vay dài hạn trong kỳ, tuy nhiên giá trị tuyệt đối vẫn ở mức thấp và không ảnh hưởng đáng kể đến cơ cấu tài chính chung của Công ty.
- Tổng nợ phải trả giảm khoảng 15%, cho thấy Công ty đã chủ động giảm nghĩa vụ nợ và duy trì cơ cấu tài chính an toàn, với mức độ sử dụng đòn bẩy tài chính thấp. Ban điều hành Công ty luôn xây dựng các chính sách, chiến lược kinh doanh và luôn bám sát tình hình thị trường để có những quyết sách phù hợp để hoạt động kinh doanh luôn đạt hiệu quả cao.

Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối
đoái do đánh giá lại các khoản

Năm 2024

Năm 2025

- Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

SAFI luôn xác định nguồn nhân lực là yếu tố then chốt quyết định sự phát triển bền vững và thành công của Công ty. Trong năm, Công ty tập trung hoàn thiện bộ máy quản lý, nâng cao hiệu quả công tác điều hành; đồng thời xây dựng và triển khai các kế hoạch tài chính phù hợp, tăng cường khai thác và sử dụng hiệu quả các nguồn vốn. Bên cạnh đó, Công ty đẩy mạnh áp dụng mô hình quản trị tập trung đối với các hoạt động chức năng hỗ trợ sản xuất kinh doanh như tài chính, nhân sự, tiền lương, quản lý rủi ro, pháp chế... nhằm tích hợp nguồn lực, phát huy sức mạnh tổng thể, nâng cao hiệu quả hoạt động và đảm bảo phù hợp với định hướng chiến lược phát triển chung của Công ty.

3. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Với mục tiêu trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực phát triển hạ tầng kho bãi, tiếp vận và logistics, Công ty không ngừng xây dựng và phát triển đội ngũ nhân sự theo hướng chuyên nghiệp và chất lượng cao. Xác định nguồn nhân lực là sức mạnh cốt lõi, Công ty đặc biệt chú trọng công tác tuyển dụng ngay từ đầu vào, đảm bảo lựa chọn những ứng viên có năng lực, phù hợp với định hướng phát triển lâu dài.

Đến nay, Công ty đã xây dựng được đội ngũ nhân viên năng động, bản lĩnh, được đào tạo bài bản tại các trường đại học uy tín trong và ngoài nước, có kinh nghiệm thực tiễn và khả năng thích ứng tốt với môi trường làm việc chuyên nghiệp. Bên cạnh đó, Công ty luôn quan tâm đầu tư nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng và ý thức trách nhiệm cho đội ngũ cán bộ nhân viên, đồng thời đề cao đạo đức nghề nghiệp trong quá trình làm việc. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ, hướng tới mục tiêu mang lại sự hài lòng và củng cố niềm tin của khách hàng.

4. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

- Kiểm soát chặt chẽ đầu vào lẫn đầu ra của các sản phẩm lưu thông qua kênh của công ty, tránh xảy ra các trường hợp lưu giữ hàng hoá không rõ nguồn gốc, có tồn tại những yếu tố có thể gây hại đến môi trường.
- Công tác phòng cháy chữa cháy được đảm bảo, nhằm bảo vệ an toàn cho hàng hoá và con người.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- SAFI luôn chú trọng thu hút nguồn nhân lực có năng lực nhằm đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tùy theo từng vị trí, Công ty xây dựng các tiêu chuẩn tuyển dụng phù hợp; đồng thời, ứng viên cần đáp ứng các yêu cầu cơ bản như có trình độ chuyên môn, tinh thần nhiệt tình, chủ động trong công việc và tư duy sáng tạo. Đối với đội ngũ cán bộ quản lý, yêu cầu tối thiểu là tốt nghiệp đại học đúng chuyên ngành. Riêng các vị trí điều hành quan trọng, Công ty áp dụng các tiêu chí tuyển dụng chặt chẽ, bao gồm yêu cầu về kinh nghiệm công tác, năng lực phân tích, trình độ ngoại ngữ và tin học. Các tiêu chí này nhằm đảm bảo đội ngũ nhân sự chủ chốt có đủ năng lực

đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty trong từng giai đoạn..

- Công ty xây dựng và áp dụng chính sách tiền lương trên cơ sở phù hợp với đặc thù hoạt động của từng lĩnh vực, đồng thời gắn với trình độ chuyên môn, năng lực và hiệu quả công việc của người lao động. Chính sách tiền lương được thiết kế theo nguyên tắc cạnh tranh, công bằng và khuyến khích hiệu suất, góp phần tạo động lực làm việc và thu hút, giữ chân nguồn nhân lực chất lượng. Bên cạnh đó, Công ty luôn đảm bảo người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ, quyền lợi theo quy định của pháp luật hiện hành. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
- c. Đánh giá liên quan tới trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương
 - Bên cạnh việc tập trung phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh và chăm lo đời sống cho người lao động, Công ty đặc biệt chú trọng triển khai các hoạt động trách nhiệm xã hội và hỗ trợ cộng đồng. Đây không chỉ là nghĩa vụ mà còn là một trong những giá trị cốt lõi, góp phần hình thành và lan tỏa nét đẹp văn hóa doanh nghiệp, hướng đến sự phát triển bền vững và hài hòa với xã hội.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
 - Trong năm 2025, HĐQT đã đề ra phương hướng hoạt động, chính sách phát triển kinh doanh của công ty trên cơ sở Nghị quyết số 01/NQ-HĐQTĐCĐ/SAFI-2025 ngày 07/03/2025. HĐQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của kinh tế trong nước và thế giới, phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả trong hoạt động SXKD, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
 - Về hoạt động kinh doanh của công ty, HĐQT luôn tuân thủ các quy định của pháp luật về môi trường và bảo vệ môi trường cũng như tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường, hoạt động xã hội từ thiện, đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, hỗ trợ cho các hộ gia đình gặp khó khăn, chia sẻ trách nhiệm cộng đồng, xã hội.
 - Các Nghị quyết/ quyết định của Hội đồng quản trị đã ban hành trong năm:

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT-2025	20/03/2025	Thông qua việc thành lập Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI	5/5
2	02/NQ-HĐQT-2025	11/04/2025	Ban hành Quy chế hoạt động của Ủy ban kiểm toán Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI theo Nghị quyết HĐQT số 01/NQ-HĐQT-2025 ngày 20/03/2025 về việc Thành lập Ủy Ban	5/5

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			kiểm toán trực thuộc Hội đồng quản trị Công ty	
3	03/NQ-HĐQT-2025	13/05/2025	Thông qua việc thực hiện chi trả cổ tức còn lại năm 2024 là 10% bằng tiền (01 cổ phiếu được nhận 1.000 đồng)	5/5
4	04/NQ-HĐQT-2025	28/05/2025	Thông qua việc việc Chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp chiếm tỷ lệ 49% vốn điều lệ tại CÔNG TY TNHH DONG HONG LOGISTICS ĐÀ NẴNG	5/5
5	05/NQ-HĐQT-2025	06/06/2025	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động của Công ty (ESOP năm 2024)	5/5
6	06/NQ-HĐQT-2025	23/06/2025	Thông qua việc điều chỉnh nội dung thu hồi cổ phiếu theo Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động Công ty.	5/5
7	07/NQ-HĐQT-2025	30/06/2025	Thông qua việc tăng số vốn góp của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại Công ty TNHH SITC Việt Nam	5/5
8	08/NQ-HĐQT-2025	30/06/2025	Thông qua chủ trương, phê duyệt thực hiện các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các bên liên quan (gồm các Công ty con và Công ty liên kết) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2025. Lĩnh vực ký kết hợp đồng và giao dịch: nằm trong phạm vi hoạt động kinh doanh của Công ty	5/5
9	09/NQ-HĐQT-2025	06/08/2025	Thông qua việc thực hiện tạm ứng cổ tức năm 2025 là 10% bằng tiền.	5/5
10	10/NQ-HĐQT-2025	19/08/2025	Thông qua việc triển khai thực hiện phương án chia cổ phiếu quỹ cho cổ	5/5

STT	Số Nghị quyết / Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			đồng hiện hữu.	
11	11/NQ-HĐQT-2025	07/11/2025	Thông qua việc thay đổi mẫu con dấu phù hợp với địa giới hành chính mới sau ngày 01/07/2025 và sửa đổi Điều lệ công ty.	5/5
12	12/NQ-HĐQT-2025	27/11/2025	Thông qua việc thực hiện tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2025 là 10% bằng tiền	5/5

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

- HĐQT luôn chủ động nắm bắt kịp thời các diễn biến của kinh tế trong nước và thế giới, phân tích, đánh giá những khó khăn, thuận lợi cũng như những cơ hội và thách thức để kịp thời đưa ra những quyết sách đúng đắn và hiệu quả trong hoạt động SXKD, thường xuyên giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc thực hiện tốt nhiệm vụ thông qua các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT.
- Từng thành viên HĐQT đã thực hiện tốt chức năng nhiệm vụ được phân công. Thường xuyên giám sát công việc điều hành của Tổng Giám đốc, trao đổi nắm bắt thông tin, thực hiện tốt vai trò quản trị, phát triển mở rộng thị trường, đầu tư cơ sở vật chất, hợp tác quốc tế, phát triển nguồn nhân lực.

3. Các kế hoạch định hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2026:

Stt	Chỉ tiêu	Thực hiện 2025	Kế hoạch 2026
1	Doanh thu	1.106 tỷ đồng	950 tỷ đồng
2	LNST công ty mẹ	91,8 tỷ đồng	60 tỷ đồng
3	Tỷ lệ chi trả cổ tức	30%	20%

Vấn đề khác:

- HĐQT quyết định việc đầu tư, thoái vốn tại các công ty khi có nhu cầu về vốn cho đầu tư và trên cơ sở đảm bảo hiệu quả sử dụng vốn.
- Hợp tác chặt chẽ cùng các đối tác cùng cổ và nâng cao hiệu quả hoạt động của các công ty liên doanh.
- Tìm kiếm, hợp tác khai thác các cơ hội kinh doanh khác khi có điều kiện phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Khai thác nguồn lực từ các cổ đông trong hợp tác dịch vụ, phát triển khách hàng, tăng cường nhân sự có kinh nghiệm, tạo ra nguồn phát triển dịch vụ mới.



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ cp sở hữu
1	Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT	8,15%
2	Nguyễn Hoàng Anh	Phó Chủ tịch HĐQT (kiêm TGD/Người QTCT)	5,57%
3	Đặng Trần Phúc	Ủy viên HĐQT (không điều hành)	0,99%
4	Nguyễn Hải Nguyên	Ủy viên HĐQT (không điều hành)	1,78%
5	Nguyễn Trường Nam	Ủy viên HĐQT (độc lập)	0,00%

b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban.

c. Hoạt động của Hội đồng quản trị

HĐQT đã tổ chức các cuộc họp HĐQT định kỳ và HĐQT mở rộng bằng nhiều hình thức để thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ. Các cuộc họp của HĐQT đều có sự thống nhất của các thành viên, thông qua các kế hoạch và các báo cáo kết quả kinh doanh hàng quý, 6 tháng và cả năm, giải quyết các vấn đề về hoạt động kinh doanh, phát triển thị trường, triển khai công tác đánh giá từng bước các kết quả đạt được theo định hướng chiến lược về phát triển kinh doanh trong năm.

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD – UBKT trực thuộc Hội đồng quản trị

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

– Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban kiểm toán:

		Đơn vị tính: đồng	
		Năm 2024	Năm 2025
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Điều hành	976.041.000	933.240.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	1.027.650.000	956.240.000
Ông Đặng Trần Phúc	Thành viên HĐQT	758.740.000	717.740.000
Ông Nguyễn Hải Nguyên	Thành viên HĐQT	466.390.000	491.711.500
Ông Nguyễn Trường Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Trường Nam	CT.UBKT	-	-

- Số lượng cổ phiếu nhận được trong năm của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy Ban kiểm toán:

	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
Ông Nguyễn Hoàng Dũng Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Điều hành	400.000	850.000	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Nguyễn Hoàng Anh Phó chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	400.000	800.000	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Đặng Trần Phúc Thành viên HĐQT	15.000	33.000	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Nguyễn Hải Nguyên Thành viên HĐQT	-	110.000	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Nguyễn Trường Nam	-	-	

- Các khoản lợi ích khác: Không có

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Hoàng Dũng	CT.HĐQT	1.672.000	6,72%	2.122.000	8,15%	GD mua
2	Nguyễn Hoàng Anh	PCT.HĐQT	1.210.000	4,86%	1.450.000	5,57%	GD mua và bán
3	Nguyễn Hải Nguyên	TV. HĐQT	404.500	1,63%	464.500	1,78%	GD mua
4	Đặng Trần Phúc	TV. HĐQT	240.600	0,97%	258.600	0,99%	GD mua
5	Đặng Thị Thúy Hằng	KTT	19.500	0,08%	39.500	0,15%	GD mua

c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

d. Các giao dịch các bên liên quan phát sinh trong năm:

Đơn vị tính: đồng

Năm 2024

Năm 2025

Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Công ty TNHH SITC Việt Nam	-	-
Mua hàng hóa, dv	7.722.438.101	8.544.864.372
Công ty TNHH SITC Việt Nam	7.526.247.648	8.358.802.866
Công ty TNHH Minh Toàn SAFI	196.190.453	186.061.506
Doanh thu tài chính	2.246.996.802	2.285.516.254
(Cổ tức được chia)		
Công ty TNHH SITC Việt Nam	2.246.996.802	2.285.516.254

e. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Công ty có một thành viên HĐQT độc lập không điều hành, giữ vai trò là thành viên giám sát, phản biện khi cần thiết đối với các hoạt động của HĐQT, nhằm đảm bảo HĐQT hoạt động theo đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, phù hợp các chủ trương, định hướng đã đề ra của ĐHCĐ, HĐQT và các thông lệ quản lý hiện đại.

2. Báo cáo của Thành viên HĐQT độc lập của ông Nguyễn Trường Nam

Thành viên HĐQT Công ty là 5 thành viên, trong đó gồm một thành viên HĐQT độc lập, đáp ứng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020 và quy định tại Điều 276 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết Luật Chứng khoán.

Thông tin về thành viên HĐQT độc lập như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Tham gia TV HĐQT độc lập	Chuyên môn
Nguyễn Trường Nam	Thành viên HĐQT độc lập	ĐHCĐ bổ nhiệm ngày 08/04/2022	QTKD

Trong năm 2025, HĐQT đã tổ chức 12 cuộc họp HĐQT gồm các cuộc họp định kỳ và lấy ý kiến bằng văn bản và ban hành Nghị quyết, quyết định HĐQT để chỉ đạo, điều hành hoạt động Công ty, Biên bản các cuộc họp HĐQT được lập với đủ chữ ký của các thành viên dự họp và thư ký cuộc họp. Thành viên HĐQT độc lập đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT (đạt tỷ lệ tham dự họp là 100%), thành viên HĐQT cùng đánh giá, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

Các cuộc họp của HĐQT được triệu tập và thực hiện theo các trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT, tài liệu được gửi đến các thành viên HĐQT dự họp để tham khảo, nghiên cứu trước cuộc họp. Thành viên HĐQT cùng thảo luận, đánh giá đầy đủ, thận trọng để đưa ra định hướng, giải pháp cho từng vấn đề trong hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm Công ty đã phát hành cổ phiếu ESOP 2024 cho CBCNV công ty; Triển khai thực hiện phương án chia cổ phiếu quỹ cho cổ đông hiện hữu (đã nộp hồ sơ cho UBCKNN nhưng vướng thủ tục pháp lý cần điều chỉnh, bổ sung).

HQĐT thường xuyên thực hiện công tác giám sát Tổng Giám đốc và các thành viên khác trong Ban Tổng giám, tổ chức các cuộc họp với Ban Tổng giám đốc và các đơn vị liên quan để thực hiện chức năng giám sát của HĐQT, cập nhật tình hình và giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh; Công ty đã tuân thủ công bố thông tin đúng quy định.

Đánh giá chung về hoạt động của HĐQT tuân thủ quy định của pháp luật, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và Điều lệ, quy chế Công ty, sát sao trong chỉ đạo, điều hành và đã thực hiện được các mục tiêu đề ra tại ĐHĐCĐ thường niên. HĐQT đã tạo điều kiện thuận lợi để thành viên HĐQT độc lập thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi của cổ đông, công ty.

3. Báo cáo của Ủy ban kiểm toán trực thuộc Hội Đồng quản trị.

a. Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Tỷ lệ CP nắm giữ
1	Ông Nguyễn Trường Nam	CT.UBKT	0.00%
2	Ông Nguyễn Hải Nguyên	TV UBKT	1.78%

b. Hoạt động của Ủy ban kiểm toán

- Giám sát tính trung thực báo cáo tài chính của công ty và công bố chứng thực liên quan đến kết quả tài chính của công ty.
- Rà soát hệ thống kiểm soát nội bộ và quản lý rủi ro.
- Rà soát giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về những giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.
- Giám sát bộ phận kiểm soát nội bộ của Công ty.
- Kiến nghị công ty kiểm toán độc lập, mức thù lao và điều khoản liên quan trong hợp đồng với công ty kiểm toán.
- Theo dõi và đánh giá sự độc lập khách quan của công ty kiểm toán và hiệu quả của quá trình kiểm toán.
- Giám sát nhằm đảm bảo công ty tuân thủ quy định của pháp luật, yêu cầu của cơ quan quản lý và quy định nội bộ khác của công ty.
- Thực hiện chức năng, nhiệm vụ qui định trong Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

4. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT - Ban TGD – UBKT trực thuộc Hội đồng quản trị

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

- Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Ủy ban kiểm toán:

		Đơn vị tính: đồng	
		Năm 2024	Năm 2025
Ông Nguyễn Hoàng Dũng	Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Điều hành	976.041.000	933.240.000
Ông Nguyễn Hoàng Anh	Phó chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	1.027.650.000	956.240.000
Ông Đặng Trần Phúc	Thành viên HĐQT	758.740.000	717.740.000

Ông Nguyễn Hải Nguyên	Thành viên HĐQT	466.390.000	491.711.500
Ông Nguyễn Trường Nam	Thành viên HĐQT	-	-
Ông Nguyễn Trường Nam	CT.UBKT	-	-

- Số lượng cổ phiếu nhận được trong năm của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy Ban kiểm toán:

	Năm 2024	Năm 2025	Ghi chú
Ông Nguyễn Hoàng Dũng Chủ tịch HĐQT - Giám đốc Điều hành	400.000	850.000	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Nguyễn Hoàng Anh Phó chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc	400.000	800.000	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Đặng Trần Phúc Thành viên HĐQT	15.000	33.000	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Nguyễn Hải Nguyên Thành viên HĐQT	-	110.000	Cổ tức bằng cổ phiếu/ ESOP
Ông Nguyễn Trường Nam	-	-	

- Các khoản lợi ích khác: Không có

b. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Hoàng Dũng	CT.HĐQT	1.672.000	6,72%	2.122.000	8,15%	GD mua
2	Nguyễn Hoàng Anh	PCT.HĐQT	1.210.000	4,86%	1.450.000	5,57%	GD mua và bán
3	Nguyễn Hải Nguyên	TV. HĐQT	404.500	1,63%	464.500	1,78%	GD mua
4	Đặng Trần Phúc	TV. HĐQT	240.600	0,97%	258.600	0,99%	GD mua
5	Đặng Thị Thúy Hằng	KTT	19.500	0,08%	39.500	0,15%	GD mua

- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

h. Các giao dịch các bên liên quan phát sinh trong năm:

Đơn vị tính: đồng

	Năm 2024	Năm 2025
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	-
Công ty TNHH SITC Việt Nam	-	-
Mua hàng hóa, dv	7.722.438.101	8.544.864.372
Công ty TNHH SITC Việt Nam	7.526.247.648	8.358.802.866
Công ty TNHH Minh Toàn SAFI	196.190.453	186.061.506
Doanh thu tài chính (Cổ tức được chia)	2.246.996.802	2.285.516.254
Công ty TNHH SITC Việt Nam	2.246.996.802	2.285.516.254

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2025 của Công ty.

2. Ý kiến kiểm toán:

a. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính riêng Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

b. Ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải Safi

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đại lý Vận tải SAFI tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

Xem phụ lục: Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty.

Hoặc website :www.safi.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ VẬN TẢI SAFI



NGUYỄN HOÀNG ANH